

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 03 – 3 - 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Huỳnh Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy G, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà G và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thúy G; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy G và ông Nguyễn Văn T là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2011.

Quá trình chung sống, ông T ăn chơi, có mối quan hệ với những người phụ nữ khác, không quan tâm lo cho vợ con. Gia đình đã khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi. Năm 2017, ông T tự ý bỏ nhà đi và ly thân với bà G cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc nên bà G xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà G và ông T có 03 (ba) con chung gồm: Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 27/11/2006; Nguyễn Ngọc Trâm, sinh ngày 04/9/2012. Hiện cả 03 con chung đang sinh sống cùng bà G. Bà G có nguyện vọng được nuôi cả 03 (ba) con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn T không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

Về chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị Thúy G giao nộp: Bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Văn T; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thúy G; bản sao Trích lục kết hôn; bản sao các giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Ngọc T1.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của các con chung Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Ngọc T1. Tại các biên bản ghi nhận ý kiến cùng ngày 04/01/2021, các cháu Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Ngọc T1 đều có nguyện vọng chung sống với bà G sau khi bà G và ông T ly hôn.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, mối quan hệ tình cảm, điều kiện nuôi con:

Theo các biên bản xác minh cùng ngày 03/01/2021, ban ấp V và Công an xã VH cho biết: Ông Nguyễn Văn T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An G. Ông T đi làm xa và thường về nhà.

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 03/01/2021, ông Nguyễn Văn T2 (Kiếp) và bà Nguyễn Thị N cho biết: Ông T2 là cậu của ông T. Việc bà G xin ly hôn gia đình và ông T có biết. Gia đình đã hàn gắn nhưng không thành. Bà N thì xác định khoảng năm 2016 bà lên sống với bà G, ông T (bà N là mẹ bà G) ở thành phố Hồ Chí Minh, bà có chứng kiến việc bà G và ông T cãi nhau về việc ông T ăn chơi không quan tâm lo cho vợ con. Ngoài ra bà còn biết việc ông T có quan hệ với nhiều phụ nữ bên ngoài và hai người đã ly thân.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố trình bày của bà G; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà G có yêu cầu không tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà G và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy G và ông Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn của bà G; công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do; bà G có yêu cầu không hòa giải, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải là phù hợp quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; bà G có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà G là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy G với ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 15/8/2011. Ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An G nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

[3.1] *Về tình cảm*: Bà G xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do ông T có lối sống ăn chơi buông thả, có quan hệ với nhiều phụ nữ bên ngoài, không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Hai người đã ly thân từ năm 2017. Theo kết quả xác minh xác định được lời trình bày của bà G là có căn cứ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà G và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà G và ông T có 03 (ba) con chung gồm: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/11/2006; Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 04/9/2012. Khi được hỏi ý kiến, các cháu B, Đ, T1 đều có nguyện vọng sống cùng bà G sau khi bà G và ông T ly hôn; bà G cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung. Qua xác minh được biết các cháu B, Đ, T1 hiện do bà G và thân nhân gia đình bà G nuôi dạy tốt. Do đó, nên giao cho bà G tiếp tục nuôi dạy các cháu sẽ đảm bảo tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của các cháu.

Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông T có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] *Về chi phí tố tụng*:

Bà G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; ông T không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy G,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thúy G được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Thúy G được trực tiếp nuôi dạy 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 20/6/2004; Nguyễn Minh Đ. sinh ngày 27/11/2006 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 04/9/2012.

Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà G. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Thúy G cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thúy G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004816 ngày 06/10/2020. (Bà G đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Bà Nguyễn Thị Thúy G và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 15/8/2011 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thúy G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Vĩnh Hậu,
huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu